

80/11/18

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K27, KHÓA HỌC 2018-2019

Thi Phần I.2: Tư tưởng Hồ Chí Minh; Thời gian: 180 phút

Ngày thi: 21 tháng 11 năm 2018; Phòng thi số: 02

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phan Thanh Bình	10/9/1970	02		63	70	bay
02	Phạm Thị Kim Cúc	05/6/1975	02		49	70	bay
03	Nguyễn Văn Cường	09/9/1980	02		39	72.5	bay, hai nam
04	Lê Văn Dân	20/8/1976	03		53	75	bay, nam
05	Ngọc Đào Phương Dung	31/8/1982	03		60	78	bay, nam
06	Nguyễn Hoàng Dũng	05/9/1966	02		59	70	bay
07	Trần Dũng	08/1/1975	02		56	67.5	Sau, bay nam
08	Trần Xuân Đa	02/9/1963	02		38	70	bay
09	Đỗ Thị Giang	05/2/1971	02		25	70	bay
10	Nguyễn Viết Hải	05/5/1976	02		48	75	bay, nam
11	Tô Thị Hằng	20/6/1985	02		5	75	bay, nam
12	Lê Hữu Hào	28/12/1974	02		24	70	bay
13	Hoàng Thị Hiền	01/11/1976	02		50	70	bay
14	Đào Hữu Hiền	28/3/1972	02		15	85	Tam, nam
15	Phạm Thị Thanh Hiền	15/10/1981	02		37	70	bay
16	Dương Thị Hồng Hiền	22/12/1984	02		79	75	bay, nam
17	Phan Bá Lê Hiền	09/8/1979	02		40	75	bay, nam
18	Vũ Trọng Hiếu	26/8/1977	02		27	75	bay, nam
19	Trần Trung Hiếu	21/7/1976	02		6	60	Sau

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Nguyễn Thành	Hiệu	22/9/1986	03		30	75	Bảy, năm
21	Đào Thị Xuân	Hoa	01/8/1976	02		34	75	Bảy, năm
22	Nguyễn Ngọc	Hoàng	17/3/1975	02		19	70	Bảy
23	Bùi Minh	Hoàng	10/4/1981	02		64	70	Bảy
24	Võ Văn	Hoàng	25/2/1966	02		76	70	Bảy
25	Lê Văn	Hồng	17/5/1982	02		62	85	Tám, năm
26	Trần Mạnh	Huê	29/4/1979	02		77	70	Bảy
27	Võ Thị	Huệ	01/6/1979	02		4	75	Bảy, năm
28	Đoàn Việt	Hùng	10/2/1978	02		80	6,75	Sáu, Bảy, năm
29	Nguyễn Mạnh	Hùng	17/9/1977	02		21	70	Bảy
30	Phạm Thị Thanh	Hương	15/10/1973	02		45	70	Bảy
31	Nguyễn Thị Hải	Hường	14/02/1971	02		55	7,25	Bảy, năm
32	Nguyễn Đức	Huy	24/9/1982	02		75	80	Tám
33	Trần Quang	Huy	12/10/1983	02		57	8,5	Tám, năm
34	Nguyễn Thị Minh	Huyền	30/8/1976	02		69	80	Tám
35	Phạm Văn	Khái	12/12/1962	02		12	70	Bảy
36	Phạm Quang	Khải	25/8/1976	02		18	70	Bảy
37	Đặng Quang	Khoa	19/5/1979	02		11	70	Bảy
38	Trần	Kiên	12/2/1969	02		43	70	Bảy
39	Lê Tấn	Kiểm	30/01/1979	02		42	70	Bảy
40	Nông Hoàng	Lan	22/8/1978	02		61	70	Bảy
41	Nguyễn Thành	Long	07/10/1975	02		66	70	Bảy
42	Đinh Thị Tuyết	Mai	18/01/1978	02		74	70	Bảy
43	Nguyễn Thị	Mai	13/2/1990	02		41	70	Bảy
44	Vũ Hùng	Mạnh	06/12/1978	02		33	70	Bảy

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
45	Bùi Phương	Nam	07/1/1979	02		3	7,25	Bảy, hai năm
46	Hoàng Văn	Nghĩa	15/10/1981	02		16	7,0	Bảy
47	Hồ Trần	Nhật	14/8/1980	02		35	7,25	Bảy, hai năm
48	Y Lem	Niê	25/1/1976	02		17	7,0	Bảy
49	Võ Quốc	Oánh	22/6/1979	02		73	7,5	Bảy, năm
50	Nguyễn Văn	Pháp	01/1/1983	02		71	7,5	Bảy, năm
51	Trần Văn	Phước	03/11/1981	02		14	7,0	Bảy
52	Đỗ Danh	Phuong	25/3/1974	02		78	7,0	Bảy
53	Nguyễn Việt	Phuong	22/12/1973	02		28	7,5	Bảy, năm
54	Lê Thị Bích	Phuong	03/7/1989	02		67	7,0	Bảy
55	Võ Minh	Quân	03/3/1970	02		39	7,0	Bảy
56	Hoàng Nhật	Quang	11/10/1979	02		13	6,5	Sáu, năm
57	Trần Ngọc	Sáng	09/8/1979	03		58	7,5	Bảy, bảy năm
58	Võ Trường	Son	02/3/1970	03		51	7,0	Bảy
59	Trần Ngọc	Son	15/8/1964	02		57	6,75	Sáu, bảy năm
60	Lê Đình	Son	12/2/1979	02		72	7,5	Bảy, năm
61	Phạm Ngọc	Thắng	26/01/1982	02		47	7,0	Bảy
62	Trần Ngọc	Thắng	05/5/1969	02		70	7,0	Bảy
63	Lê Tân	Thanh	22/10/1978	02		7	7,0	Bảy
64	Lê Đình	Thi	18/7/1978	02		10	7,25	Bảy, hai năm
65	Nguyễn Thị	Thìn	04/2/1976	03		9	8,0	Tám
66	Đỗ Văn	Thơ	24/3/1981	03		1	7,75	Bảy, bảy năm
67	Nguyễn Xuân	Thu	28/7/1977	03		65	7,5	Bảy, bảy năm
68	Lương Thị Kim	Thu	12/3/1979	02		20	7,5	Bảy, năm
69	Ngô Thị Tú	Thủy	25/10/1969	03		46	7,0	Bảy

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
70	Nguyễn Dung Thủy Tiên	10/8/1968	02	Thủy	52	6,75	Sau, bảy năm
71	Trần Hoàng Tiến	19/8/1970	03	Trần	68	7,0	Bảy
72	Hoàng Đình Tiên	16/6/1970	02	Đình	36	7,25	Bảy, hai năm
73	Phạm Minh Toại	23/4/1981	03	Minh	28	7,5	Bảy, năm
74	Hoàng Thị Thanh Tuyền	16/4/1968	02	Thanh	22	7,25	Bảy, hai năm
75	Nguyễn Thị Tuyết Vân	16/3/1969	03	Tuyết	26	7,75	Bảy, bảy năm
76	Muộn Văn Vinh	03/01/1972	02	Văn	29	7,5	Bảy, năm
77	Hoàng Công Vỹ	26/9/1971	02	Công	32	7,25	Bảy, hai năm
78	Nguyễn Thị Nam Vỹ	02/11/1975	02	Nam	2	7,25	Bảy, hai năm
79	Nguyễn Thị Yên	10/5/1975	02	Thị	8	7,0	Bảy
80	Trương Vũ Thị Hải Yên	11/12/1976	03	Thị	44	7,5	Bảy, năm

Tổng số: 173 tờ/ 80 bài

GIÁM THỊ 01

Sam
Lê Thị Cẩm

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Kam
Nguyễn Văn Sĩ

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

11/11

GIÁM THỊ 02

7/7
Lê Hải Yến

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Sam
Ra Lan Nguyệt

TRƯỞNG KHOA

Đoàn

BAN GIÁM HIỆU

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đỗ Văn Dương